

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
HÀNG KHÔNG CAM RANH**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Minh Tiến	Chủ tịch
Ông Lê Văn Lân	Thành viên
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Anh Thư	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lân	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Hồ Minh Tiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Số. *AS* /2015/UHYACA/HCM-BCKTDL**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06/03/2015, trình bày từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Xuân Dũng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1494-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.171.745.428	23.608.158.463
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.802.571.618	12.262.856.784
Tiền	111		2.302.571.618	7.762.856.784
Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	4.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.392.110.129	1.884.054.575
Phải thu khách hàng	131	5	1.173.709.829	944.846.401
Các khoản phải thu khác	135	6	218.400.300	939.208.174
Hàng tồn kho	140		19.190.095.651	8.663.584.299
Hàng tồn kho	141	7	19.190.095.651	8.663.584.299
Tài sản ngắn hạn khác	150		786.968.030	797.662.805
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		622.398.054	472.635.579
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	94.075.706
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		164.569.976	230.951.520
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.278.755.239	17.853.047.817
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		12.024.114.530	17.853.047.817
Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.911.414.530	17.681.547.817
- Nguyên giá	222		33.783.291.498	34.691.585.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.871.876.968)	(17.010.038.046)
Tài sản cố định vô hình	227	9	112.700.000	171.500.000
- Nguyên giá	228		176.400.000	176.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.700.000)	(4.900.000)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		254.640.709	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		254.640.709	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.450.500.667	41.461.206.280

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		34.926.780.827	22.518.807.575
Nợ ngắn hạn	310		34.238.780.827	21.478.807.575
Phải trả người bán	312	10	24.130.061.149	16.829.733.264
Người mua trả tiền trước	313		-	2.220.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.928.925.050	-
Phải trả người lao động	315		5.084.391.928	4.019.748.531
Chi phí phải trả	316	12	43.182.858	67.703.451
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.147.993.466	286.420.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		904.226.376	272.981.621
Nợ dài hạn	330		688.000.000	1.040.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	14	688.000.000	1.040.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.523.719.840	18.942.398.705
Vốn chủ sở hữu	410	15	17.523.719.840	18.942.398.705
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.413.888.848	676.227.110
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.009.920.606	483.019.365
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.588.016.275	7.271.258.119
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.450.500.667	41.461.206.280

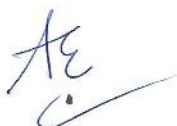
Khánh Hòa, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lân

Hồ Minh Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	133.656.654.051	97.447.246.696
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	16	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	133.656.654.051	97.447.246.696
Giá vốn hàng bán	11	17	103.610.887.285	75.384.087.975
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.045.766.766	22.063.158.721
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	592.360.506	366.023.797
Chi phí tài chính	22	19	239.729.656	25.341.353
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	20	11.642.876.380	6.925.442.734
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	8.862.667.319	6.594.438.971
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.892.853.917	8.883.959.460
Thu nhập khác	31	22	2.274.989.444	273.667.637
Chi phí khác	32	23	945.884.038	2.400.000
Lợi nhuận khác	40		1.329.105.406	271.267.637
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.221.959.323	9.155.227.097
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.468.831.051	2.120.629.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	172.177.372
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.753.128.272	6.862.420.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	8.753	6.862

Người lập

Đỗ Hữu Ánh Liên

Kế toán trưởng

Đỗ Hữu Ánh Liên

Giám đốc

Lê Văn Lân

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 03 năm 2015



Hồ Minh Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		136.068.798.745	104.126.615.441
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(95.058.006.132)	(55.577.882.970)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.702.034.831)	(17.928.071.400)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(756.562.490)	(2.064.452.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.632.270.461	940.636.789
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.101.893.548)	(8.933.279.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.082.572.205	20.563.566.461
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.173.760.000)	(7.266.351.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		587.295.014	306.938.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.586.464.986)	(6.959.412.029)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.956.392.385)	(3.785.748.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.956.392.385)	(3.785.748.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.539.714.834	9.818.406.232
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	12.262.856.784	2.461.542.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(17.091.782)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18.802.571.618	12.262.856.784

Người lập

Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 03 năm 2015
Giám đốc






Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lân

Hồ Minh Tiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/07/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, được góp vốn bởi các cổ đông sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh	
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	1.000.000.000	10,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%
Cộng	10.000.000.000	100,00%

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Nha Trang, số 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt và taxi. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyển bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Giá công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa miễn thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được lập trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

Trong năm 2014, đơn vị tiến hành phân bổ khấu hao nhanh đối với Phương tiện vận tải.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 GHỊ NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.8 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.9 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 02/08/2014.

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	70.937.961	182.026.824
Tiền gửi ngân hàng	2.231.633.657	7.580.829.960
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	18.802.571.618	12.262.856.784

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	468.820.000	381.019.000
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh-Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	603.521.000	463.056.000
Khách hàng khác	101.368.829	100.771.401
Cộng	1.173.709.829	944.846.401

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu tài xế taxi	218.400.300	174.208.174
Phải thu khác	-	765.000.000
Cộng	218.400.300	939.208.174

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	110.898.423	204.229.094
Công cụ, dụng cụ	39.699.962	41.304.473
Hàng hoá	19.039.497.266	8.418.050.732
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	19.190.095.651	8.663.584.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2014	1.612.135.049	614.868.515	32.268.041.389	196.540.910	34.691.585.863
- Mua trong năm	-	-	3.106.880.000	-	3.106.880.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.015.174.365)	-	(4.015.174.365)
Tại 31/12/2014	1.612.135.049	614.868.515	31.359.747.024	196.540.910	33.783.291.498
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2014	408.662.148	421.815.192	16.027.832.424	151.728.282	17.010.038.046
- Khấu hao trong năm	111.671.376	74.451.828	7.726.986.345	28.019.700	7.941.129.249
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.079.290.327)	-	(3.079.290.327)
Tại 31/12/2014	520.333.524	496.267.020	20.675.528.442	179.747.982	21.871.876.968
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2014	1.203.472.901	193.053.323	16.240.208.965	44.812.628	17.681.547.817
Tại 31/12/2014	1.091.801.525	118.601.495	10.684.218.582	16.792.928	11.911.414.530

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 422.240.333 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	721.417.971	741.329.652
Công ty TNHH Thanh Hoa	79.260.000	260.174.800
Nguyễn Tấn Quảng	359.890.336	335.993.481
Công ty Xăng dầu Quân đội Khu vực 3	20.191.610	84.733.000
DNTN Sao Mai Em	94.024.000	51.041.800
Phan Chí Thành	54.000.000	66.420.000
CT TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	15.127.112	24.160.192
Nguyễn Thị Hữu Tuyết	86.797.250	84.950.200
Nguyễn Thị Hồng Thắm	118.647.000	168.780.800
Nguyễn Văn Quyền	76.864.500	77.688.500
Công Ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	57.549.200	32.240.000
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	-	10.172.000
Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Letimo	57.945.652	70.556.772
Công ty TNHH MTV Thương mại rượu Hà Nội	-	4.773.010
Công ty CP Kỹ Thuật Viễn Thông Hoàng Gia	-	170.093.000
IPP GROUP (S) PTE.LTD	21.454.672.860	13.402.550.092
Các đối tượng khác	933.673.658	1.244.075.965
Cộng	24.130.061.149	16.829.733.264

11. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế GTGT	251.399.689	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.677.525.361	-
Cộng	1.928.925.050	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Trích trước phí kiểm toán	30.000.000	27.272.727
Trích trước chi phí quản lý công ty đại chúng 2013	-	10.000.000
Trích trước tiền điện thoại	13.182.858	12.248.906
Trích trước tiền an ninh soi chiếu năm 2013	-	18.181.818
Cộng	43.182.858	67.703.451

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	65.811.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.800.000	12.900.000
Cổ tức, Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	1.939.663.912	27.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.529.554	180.108.982
Cộng	2.147.993.466	286.420.708

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của người lao động là tài xế lái xe taxi.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2014
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %	
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn - Nha Trang	1.000.000.000	10,00%	1.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%	3.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	100,00%	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CỐ PHIẾU

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	288.135.624	205.811.160	4.942.097.070	15.947.937.965						
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	6.862.420.323	6.862.420.323						
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	388.091.486	277.208.205	(665.299.691)							
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(554.416.410)	(554.416.410)						
- Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(166.324.923)	(166.324.923)						
- Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(55.200.000)	(55.200.000)						
- Tiền thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)						
- Chia Cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(2.892.018.250)	(2.892.018.250)						
Tại ngày 31/12/2013	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	676.227.110	483.019.365	7.271.258.119	18.942.398.705						
Tại ngày 01/01/2014	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	676.227.110	483.019.365	7.271.258.119	18.942.398.705						
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	8.753.128.272	8.753.128.272						
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	737.661.738	526.901.241	(1.264.562.979)							
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.369.943.225)	(1.369.943.225)						
- Trích lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	(6.812.863.912)	(6.812.863.912)						
- Chia Cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(1.989.000.000)	(1.989.000.000)						
Tại ngày 31/12/2014	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	1.413.888.848	1.009.920.606	4.588.016.275	17.523.719.840						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.656.654.051	97.447.246.696
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	18.872.566.546	23.293.013.967
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	17.951.047.261	13.742.729.085
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	23.415.426.533	27.206.600.562
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP,C	5.504.387.269	4.187.854.542
+ Doanh thu bus	3.544.803.635	2.567.374.983
+ Doanh thu hàng miễn Thuế	62.682.968.267	25.287.151.016
+ Doanh thu vệ sinh	1.685.454.540	1.085.454.541
+ Doanh thu khác	-	77.068.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.656.654.051	97.447.246.696
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	18.872.566.546	23.293.013.967
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	17.951.047.261	13.742.729.085
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	23.415.426.533	27.206.600.562
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP,C	5.504.387.269	4.187.854.542
+ Doanh thu bus	3.544.803.635	2.567.374.983
+ Doanh thu hàng miễn Thuế	62.682.968.267	25.287.151.016
+ Doanh thu vệ sinh	1.685.454.540	1.085.454.541
+ Doanh thu khác	-	77.068.000

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	20.656.734.163	22.630.730.557
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	14.572.306.571	12.355.200.079
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	12.720.318.914	14.734.163.672
Giá vốn dịch vụ phòng VIP,C	3.410.625.435	2.852.128.219
Giá vốn dịch vụ bus	3.688.528.082	2.566.549.907
Giá vốn hàng Miễn thuế	46.945.565.056	18.957.344.928
Giá vốn vệ sinh	1.616.809.064	1.231.328.233
Khác	-	56.642.380
Cộng	103.610.887.285	75.384.087.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	558.703.219	306.938.971
Hoa hồng đại lý thu đổi ngoại tệ	3.354.272	59.084.826
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.303.015	-
Cộng	592.360.506	366.023.797

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	239.729.656	25.341.353
Cộng	239.729.656	25.341.353

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	6.511.489.263	3.543.098.108
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	301.721.830	245.801.430
Chi phí khấu hao TSCĐ	72.425.760	45.777.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.455.295.527	2.558.993.324
Chi phí bằng tiền khác	301.944.000	531.772.600
Cộng	11.642.876.380	6.925.442.734

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	7.368.385.407	5.363.653.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.800.382	180.389.867
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.386.784	30.097.736
Thuế, phí và lệ phí	445.670.201	223.374.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.532.793	146.509.082
Chi phí bằng tiền khác	740.891.752	650.414.974
Cộng	8.862.667.319	6.594.438.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	2.190.909.092	-
Tiền phạt vi phạm quy chế	13.300.000	27.800.000
Tiền bồi thường	900.000	390.000
Thu nhập khác	69.880.352	245.477.637
Cộng	2.274.989.444	273.667.637

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	935.884.038	-
Thưởng từ quỹ tiền phạt vi phạm quy chế	-	2.400.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	10.000.000	-
Cộng	945.884.038	2.400.000

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	11.221.959.323	9.155.227.097
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	-	(672.709.489)
- Chi phí tài trợ chương trình giao lưu nghệ thuật	-	11.000.000
- Chi vi phạm an toàn giao thông	-	5.000.000
- Hoàn chi phí phân bổ vượt năm 2012	-	(688.709.489)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.221.959.323	8.482.517.608
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	2.468.831.051	2.120.629.402
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau miễn giảm	2.468.831.051	2.120.629.402
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	172.177.372
Ảnh hưởng từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	172.177.372
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.468.831.051	2.292.806.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.753.128.272	6.862.420.323
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.753.128.272	6.862.420.323
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.753</u>	<u>6.862</u>

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: lĩnh vực taxi, dịch vụ nhà hàng, kinh doanh bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ, dịch vụ phòng VIP và dịch vụ chờ khách bằng xe bus.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2014	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP, C	Dịch vụ bus	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.872.566.546	17.951.047.261	23.415.426.533	5.504.387.269	3.544.803.635	62.682.968.267	1.685.454.540	133.656.654.051
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.872.566.546	17.951.047.261	23.415.426.533	5.504.387.269	3.544.803.635	62.682.968.267	1.685.454.540	133.656.654.051
Chi phí bộ phận	20.656.934.163	14.572.306.571	12.720.318.914	3.410.625.435	3.688.528.082	46.945.565.056	1.616.809.064	103.610.887.285
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.784.167.617)	3.378.740.690	10.695.107.619	2.093.761.834	(143.724.447)	15.737.403.211	68.645.476	30.045.766.766
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(20.505.543.699)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								9.540.223.067
Doanh thu hoạt động tài chính								592.360.506
Chi phí tài chính								(239.729.656)
Thu nhập khác								2.274.989.444
Chi phí khác								(945.884.038)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(2.468.831.051)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								8.753.128.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2013	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP	Dịch vụ bus	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.293.013.967	13.742.729.085	27.206.600.562	4.187.854.542	2.567.374.983	25.287.151.016	1.162.522.541	97.447.246.696
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.293.013.967	13.742.729.085	27.206.600.562	4.187.854.542	2.567.374.983	25.287.151.016	1.162.522.541	97.447.246.696
Chi phí bộ phận	22.630.730.557	12.355.200.079	14.734.163.672	2.852.128.219	2.566.549.907	18.957.344.928	1.287.970.613	75.384.087.975
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	662.283.410	1.387.529.006	12.472.436.890	1.335.726.323	825.076	6.329.806.088	(125.448.072)	22.063.158.721
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(13.519.881.705)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								8.543.277.016
Doanh thu hoạt động tài chính								366.023.797
Chi phí tài chính								(25.341.353)
Thu nhập khác								273.667.637
Chi phí khác								(2.400.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(2.120.629.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								(172.177.372)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								6.862.420.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.802.571.618	12.262.856.784
Phải thu khách hàng	1.173.709.829	944.846.401
Các khoản phải thu khác	218.400.300	939.208.174
Cộng	20.194.681.747	14.146.911.359
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	24.130.061.149	16.829.733.264
Chi phí phải trả	43.182.858	67.703.451
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.147.993.466	220.608.982
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	688.000.000	1.040.000.000
Cộng	27.009.237.473	18.158.045.697

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2014.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay do đó ít chịu rủi ro về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán	24.130.061.149	-	24.130.061.149
Chi phí phải trả	43.182.858	-	43.182.858
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	2.147.993.466	-	2.147.993.466
Phải trả, phải nộp dài hạn	-	688.000.000	688.000.000
Cộng	26.321.237.473	688.000.000	27.009.237.473
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán	16.829.733.264	-	16.829.733.264
Chi phí phải trả	67.703.451	-	67.703.451
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	220.608.982	-	220.608.982
Phải trả, phải nộp dài hạn	-	1.040.000.000	1.040.000.000
Cộng	17.118.045.697	1.040.000.000	18.158.045.697

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền và tương đương tiền	18.802.571.618	-	18.802.571.618
Phải thu khách hàng	1.173.709.829	-	1.173.709.829
Các khoản phải thu khác	218.400.300	-	218.400.300
Cộng	20.194.681.747	-	20.194.681.747
Tại 01/01/2014			
Tiền và tương đương tiền	12.262.856.784	-	12.262.856.784
Phải thu khách hàng	944.846.401	-	944.846.401
Các khoản phải thu khác	939.208.174	-	939.208.174
Cộng	14.146.911.359	-	14.146.911.359

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các Cổ đông, Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam, và các công ty con, Các công ty liên doanh, liên kết của Công ty này.

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu với các bên liên quan	5.249.960.000	4.105.282.280
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	5.249.960.000	4.105.282.280
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	61.923.636	-
Mua hàng từ các bên liên quan	7.154.218.536	11.444.550.901
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	6.781.460.537	6.434.299.151
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	18.467.090	90.251.750
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không miền Nam	354.290.909	4.920.000.000
Cổ tức đã trả cho các bên liên quan	1.836.000.000	2.040.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1.836.000.000	2.040.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng	603.521.000	463.056.000
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	603.521.000	463.056.000
Phải trả cho người bán	761.217.971	751.829.652
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	721.417.971	741.329.652
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	-	10.500.000
- Công ty CP TM Hàng không Miền Nam	39.800.000	-
Các khoản phải thu khác	-	765.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	765.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.275.000.000	-
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1.275.000.000	-
 <u>Thu nhập HĐQT, BKS và Ban Giám đốc</u>	 Năm 2014 VND	 Năm 2013 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	39.360.000	39.360.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	882.420.900	684.752.900
Thù lao của ban kiểm soát	15.600.000	15.600.000

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

29.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

29.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 03 năm 2015
Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lân

H6 Minh Tiến

T H H